

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG – FILE ĐÍNH KÈM

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3 % giá hợp đồng [ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 3% giá hợp đồng]. - Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B phải nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng với giá trị bằng là: (3% giá trị hợp đồng) bằng tiền hoặc bằng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Ngân hàng. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang. - Loại tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Tiền đồng Việt Nam (VND). Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

	Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp. Tích thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định <i>[căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định]</i>.
--	---

E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định] [ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu. Ví dụ: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn ____ ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định].
E-ĐKC 42.1	D. Quản lý chi phí - Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng trước thuế đã ký Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

	Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. <i>[ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng].</i> - Thời gian tạm ứng: trong vòng 30 ngày sau khi có lệnh khởi công và hợp đồng có hiệu lực ngày__ tháng__ năm__ <i>[ghi cụ thể thời gian tạm ứng].</i>
E-ĐKC 49.1	Đối với nhà thầu: *Nội dung vi phạm đối với hợp đồng thi công xây dựng được quy định như sau: - Vi phạm tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký (trường hợp chậm tiến độ): chậm tiến độ lập hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán. - Vi phạm về chất lượng công trình: + Để xảy ra lỗi không đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công nhà thầu không tự kiểm soát mà do chủ đầu tư (hoặc tư vấn CĐT) phát hiện do hậu kiểm phải làm lại. + Có hiện tượng làm hồ sơ không đúng bị phát hiện phải làm lại + Không đảm bảo chất lượng thi công gây sự cố sau khi đưa vào sử dụng + Không thực hiện đúng thiết kế được duyệt hoặc do nhà thầu không tuân thủ phương án thi công hoặc do Nhà thầu tự ý thay đổi thiết kế. Không bảo quản tốt vật tư Chủ đầu tư cấp để xảy ra hư hỏng làm giảm chất lượng vật tư không thể sử dụng

	+ Các nội dung sai sót khác gồm: không ghi chép nội dung diễn biến trong sổ nhật ký thi công, nhật ký thi công điện tử, biên bản nghiệm thu điện tử trên chương trình IMIS, không có mặt chỉ huy trưởng, cán bộ kỹ thuật thi công trên công trường khi chủ đầu tư kiểm tra + Không cung cấp các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành + Không đảm bảo vật tư thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng. + Bị người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ vốn phản ánh, nhắc nhở về tình trạng thi công không đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường hoặc không khắc phục triệt để, đúng yêu cầu các phản ánh, khiếu nại của người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ; + Các vị phạm khác như: ▪ Vật tư thiết bị đưa vào lắp đặt cho công trình không đảm bảo chất lượng, không cử đúng thành phần cán bộ chủ chốt tham gia thi công công trình, không trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thi công không đảm bảo an toàn, chậm trễ lập hồ sơ chuẩn bị thi công, hồ sơ thi công, hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng, hoàn công, quyết toán giữa các đơn vị liên quan, ... ▪ Sử dụng các thiết bị, máy móc thi công, thiết bị đo đạt, thí nghiệm, ... chưa được kiểm định và thiết bị hết hạn sử dụng trước khi đưa vào sử dụng cho công trình. ▪ Không thực hiện ký quỹ giá trị thi công đào và tái lập mặt đường với Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh khi xin cấp giấy phép thi công.
--	--

- Nhà thầu chậm trễ trong việc nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm trễ gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm nộp bảo lãnh bảo hành theo quy định.

*** Mức phạt:**

- Giá trị phạt do sai sót về chất lượng thi công = tối đa 12% x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm
- Giá trị phạt do sai sót về an toàn lao động, vệ sinh môi trường = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (lần đầu tỷ lệ phạt là 2%, lần thứ hai trở đi cứ mỗi lần vi phạm sẽ phạt 4%, tối đa 12%)
- Giá trị phạt do chậm tiến độ được tính = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (cứ mỗi tuần chậm sẽ phạt 0,5% mức phạt tối đa đến 12% sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng)
- Tổng giá trị phạt không quá 12% giá trị hợp đồng, mức phạt đạt 12% có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.
- Tổng số tiền phạt do không hoàn thành hợp đồng theo tiến độ không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Bên A có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của bên B. Khi đạt tới mức phạt 12%, Bên A có quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng.

Về chất lượng thi công:

Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả chi phí cho các Tư vấn phục vụ công tác sửa chữa đó) và chịu phạt 10% giá hợp đồng bị vi phạm (tùy theo mức độ vi phạm) cho mỗi lần vi phạm. Trường hợp quá 12 giờ mà Nhà thầu không sửa chữa khắc phục theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có quyền mời đơn vị khác thực hiện công tác này và Nhà thầu phải chịu hoàn toàn chi phí khắc phục sửa chữa này. Nếu do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì Nhà thầu sẽ vẫn bị xử lý phạt về tiến độ.

Sau khi thi công xong phát sinh vật tư Chủ đầu tư cấp dư thừa nếu nguyên nhân (nguyên nhân được xác lập tại Biên bản xác nhận vật tư Chủ đầu tư cấp thừa sau khi thi công) là do Nhà thầu:

+ Không thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt hoặc do Nhà thầu không tuân thủ phương án thi công hoặc do Nhà thầu tự ý thay đổi thiết kế thì sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng, mức phạt tương ứng với tỉ lệ % tổng giá trị vật tư dự thầu trước thuế (giá trị vật tư dự thầu quy đổi theo đơn giá vật tư của dự toán được duyệt trước thuế) trên tổng giá trị vật tư tương ứng của dự toán được duyệt trước thuế nhân với tổng giá trị giá trị vật tư dự thầu trước thuế;

+ Không bảo quản tốt vật tư Chủ đầu tư cấp để xảy ra hư hỏng làm giảm chất lượng vật tư không thể sử dụng được thì Nhà thầu phải bồi thường trên cơ sở Chủ đầu tư thẩm định và phê duyệt giá theo thị trường sau thuế tại thời điểm nghiệm thu đưa vào sử dụng và sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng, mức phạt tương ứng với tỉ lệ % tổng giá trị vật tư dự thầu trước thuế (giá trị vật tư dự thầu quy đổi theo đơn giá vật tư của dự toán được duyệt trước thuế) trên tổng giá trị vật tư tương ứng của dự toán được duyệt trước thuế nhân với tổng giá trị, giá trị vật tư dự thầu trước thuế.

- Về an toàn lao động, bảo vệ môi trường:

Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp che, thu dọn phế thải, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định. Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường. Công việc thi công xong đến đâu phải dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ đến đó, tuyệt đối không được để qua ngày hôm sau, không để nhân dân phản ánh với chủ đầu tư

Nếu nhà thầu vi phạm lần 1 sẽ bị cảnh cáo, nhắc nhở, tạm đình chỉ thi công;

Vi phạm lặp lại lần 2, bị phạt 0,5% giá hợp đồng bị vi phạm, tạm đình chỉ thi công;

Vi phạm lặp lại lần 3, bị phạt 1% giá hợp đồng bị vi phạm.

Vi phạm ≥ 4 lần, bị phạt 2% giá hợp đồng bị vi phạm và xem xét chấm dứt hợp đồng, báo cáo Tổng công ty và không cho nhà thầu tham dự các gói thầu kế tiếp do Chủ đầu tư thực hiện.

- Về biện pháp tổ chức thi công:

	Trong quá trình thi công nếu nhà thầu gây ra sự cố cấp ngừng hiện hữu, gây sự cố bể ống cấp nước, thoát nước... để địa phương hoặc đơn vị chủ quản phản ánh Vi phạm lần 1, bị phạt 1% giá hợp đồng bị vi phạm; Vi phạm lặp lại lần 2, bị phạt 2% giá hợp đồng bị vi phạm. Vi phạm lặp lại lần 3, bị phạt 3% giá hợp đồng bị vi phạm và xem xét chấm dứt hợp đồng, báo cáo Tổng công ty và không cho nhà thầu tham dự các gói thầu kế tiếp do Chủ đầu tư thực hiện. + Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ bảo đảm chất lượng cho công trình, bên B sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của bên A (kể cả chi phí cho các tư vấn phục vụ cho công tác sửa chữa đó) và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt theo. + Trong trường hợp nếu bên B không thực hiện toàn bộ hợp đồng thì bên A có quyền tịch thu tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng (hoặc yêu cầu ngân hàng thanh toán chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng) và nhà thầu phải chịu bồi thường thêm 2% giá trị hợp đồng. + Nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ sau cả hết mức khoản phạt 12% quá thời gian một tháng hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Bên A có quyền đề nghị chấm dứt hợp đồng và Bên B sẽ bị phạt như trường hợp không thực hiện hợp đồng và Bên A sẽ xem xét có thể không chấp nhận Bên B tham gia đấu thầu các công trình tiếp theo. + Phạt về chậm trễ hoàn tất hồ sơ nghiệm thu: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày thi công hoàn tất hạng mục cuối cùng của công trình (tính theo ngày ghi trong nhật ký thi công và không kể thời gian sửa chữa các sai sót của Bên B do Bên A yêu cầu) Bên B phải hoàn tất hồ sơ nghiệm thu. Nếu Bên B không hoàn tất hồ sơ đúng thời hạn thì phải chịu phạt một số tiền là 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày trễ hạn. Trường hợp phải hiệu chỉnh hồ sơ do lỗi của Bên B thì sau 3 ngày nếu Bên B chưa chuyển hồ sơ hiệu chỉnh theo yêu cầu của bên A thì sẽ bị phạt thêm 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày trễ hạn. + Phạt về nghĩa vụ quyết toán: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao ghi trong “Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng”, Bên B phải hoàn tất hồ sơ quyết toán. Nếu Bên B
--	--

	không hoàn tất đúng hạn phải chịu phạt một số tiền bằng mức lãi suất tín dụng không kỳ hạn của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam của phần giá trị quyết toán xây lắp công trình. + Phạt về chậm trễ hoàn tất hồ sơ xin giấy phép thi công, cấp phép đào đường (nếu có): nhà thầu thay mặt Chủ đầu tư liên hệ các cơ quan chức năng để thực hiện thủ tục xin cấp phép thi công, xin giấy phép đào đường (nếu có) trong vòng 30 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Nếu quá thời hạn 30 ngày, vẫn chưa hoàn tất thủ tục nêu trên thì chủ đầu tư sẽ xem xét phạt hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ tương ứng với mức phạt 500.000 đồng/ mỗi ngày trễ hạn. + Phạt về việc chậm trả vật tư thu hồi: Phạt 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày nhà thầu chậm trả vật tư thiết bị thu hồi ảnh hưởng đến tiến độ quyết toán. Tổng số tiền phạt do chậm trả vật tư thu hồi không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. + Về việc thực hiện viết và ký số trên Nhật ký thi công điện tử, Biên bản nghiệm thu điện tử: nhà thầu không thực hiện viết và ký số trên Nhật ký thi công điện tử, Biên bản nghiệm thu điện tử theo đúng yêu cầu, hướng dẫn của EVN và EVNHCMC khi bị chủ đầu tư kiểm tra nhắc nhở thì sẽ bị phạt hợp đồng như sau: lần 1 phạt 1%, lần 2 và lần 3 là 3%, lần 4 là 5% giá trị hợp đồng. Đến lần thứ 5 nhà thầu không thực hiện sẽ có biên bản thống nhất cụ thể giá trị phạt và xem xét chấm dứt hợp đồng.
E-ĐKC 49.2	• Mức bồi thường Ngoài mức phạt hợp đồng đã được quy định ở trên, bên nhận thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi của bên nhận thầu theo các nội dung quy định tại ĐKC 22 (các bên lập biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng. Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt do chậm đưa công trình vào sử dụng. Trong đó:

- Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng, ... do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hoặc cung cấp hàng hóa gây ra (thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố, ...). (trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi phí này). - Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.	
--	--